

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018.

Số: /SCIEC - CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 0433 868 243

Fax : 0433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Chính Đại - Giám đốc công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2017 soát xét của Công ty cổ phần SCI E&C được lập ngày 06/02/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Chính Đại

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 04 3386 8243 | Fax: 04 3371 9676 | Website: www.sci-enc.com

Số: 63/2018/CBTT-TCKT

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

(V/v: Giải trình lợi nhuận thay đổi từ 10%
trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
Trụ sở chính: Tầng 3 tháp C, tòa Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
Điện thoại: 024 3 386 8243 **Fax:** 024 3 386 8243
Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần SCI E&C
Mã chứng khoán: SCI

Công ty Cổ phần SCI E&C xin giải trình về Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2017 thay đổi so với báo cáo cùng kỳ năm trước sau khi được kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	357.658.356.741	873.864.639.672	516.206.282.931	144,33
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.029.765.892	15.337.144.104	11.307.378.212	280,60

Nguyên nhân:

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng so với cùng kỳ năm trước là do Doanh thu tăng 516,21 tỷ đồng, tương đương 144,33% dẫn đến lợi nhuận tăng 11,34 tỷ đồng, tương ứng tăng 280,60%.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chính Đại

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán năm	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm	11-39

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29/05/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Hoàng Công Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên
Ông Triệu Quang Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	
Ông Hoàng Công Tuấn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2018
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2018
Ông Phan Thanh Hải	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/12/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên
Bà Quách Thị Thanh Thùy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 146/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Ngô Quang Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0448-2018-126-1

Nguyễn Bảo Trung

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

07
31
MH
ĐÁ
INH
N
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính năm
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		578.606.245.017	435.903.486.693
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.166.855.093	59.401.556.239
111	1. Tiền		32.166.855.093	46.401.556.239
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	13.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	250.000.000	20.250.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	20.250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		297.188.763.503	173.062.622.166
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	244.383.278.364	138.878.707.512
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	46.845.642.188	24.602.004.731
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.516.309.971	15.256.636.539
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.556.467.020)	(5.674.726.616)
140	IV. Hàng tồn kho	9	242.139.840.732	175.237.601.632
141	1. Hàng tồn kho		242.139.840.732	175.258.639.164
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.860.785.689	7.951.706.656
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.177.610.418	645.524.347
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.587.038.892	7.123.208.569
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	96.136.379	182.973.740
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		168.504.656.638	130.697.622.995
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		147.500.000	310.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	147.500.000	310.000.000
220	II. Tài sản cố định		146.817.340.515	122.936.838.261
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	146.817.340.515	122.936.838.261
222	- Nguyên giá		224.969.582.156	178.972.982.389
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(78.152.241.641)	(56.036.144.128)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20.000.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.539.816.123	7.450.784.734
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.539.816.123	7.450.784.734
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		747.110.901.655	566.601.109.688

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		610.088.184.854	439.319.939.719
310	I. Nợ ngắn hạn		570.013.231.227	400.115.527.382
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	171.517.508.508	80.338.248.363
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	120.564.091.975	83.439.894.636
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.479.574.325	341.969.177
314	4. Phải trả người lao động		29.863.324.816	18.386.695.949
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	40.154.820.654	10.681.915.081
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.974.572.152	2.673.560.128
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	198.306.046.320	202.806.148.843
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.153.292.477	1.447.095.205
330	II. Nợ dài hạn		40.074.953.627	39.204.412.337
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	40.074.953.627	39.204.412.337
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.022.716.801	127.281.169.969
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	137.022.716.801	127.281.169.969
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		7.304.985.925	6.750.741.041
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.717.730.876	20.530.428.928
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		14.380.586.772	16.500.663.036
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		15.337.144.104	4.029.765.892
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		747.110.901.655	566.601.109.688

Lê Thị Thu Hiền

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Phan Dương Mạnh

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Chính Đại
Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

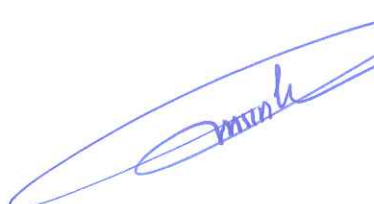
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	873.864.639.672	357.658.356.741
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		873.864.639.672	357.658.356.741
11	4. Giá vốn hàng bán	21	804.117.863.627	315.104.422.683
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.746.776.045	42.553.934.058
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.584.927.869	5.537.041.896
22	7. Chi phí tài chính	23	22.977.665.591	13.380.014.600
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		22.904.498.956	13.218.552.094
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	29.956.386.675	30.480.207.082
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.397.651.648	4.230.754.272
31	11. Thu nhập khác	25	137.747.903	1.234.536.925
32	12. Chi phí khác	26	320.270.390	543.996.281
40	13. Lợi nhuận khác		(182.522.487)	690.540.644
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.215.129.161	4.921.294.916
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3.877.985.057	891.529.024
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.337.144.104	4.029.765.892
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.534	403


Lê Thị Thu Hiền
Người lập


Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Chính Đại
Giám đốc



Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		19.215.129.161	4.921.294.916
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		22.142.288.761	14.494.018.070
03	- Các khoản dự phòng		(139.297.128)	4.954.895.854
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.309.624)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.464.653.874)	(3.285.800.221)
06	- Chi phí lãi vay		22.904.498.956	13.218.552.094
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		61.656.656.252	34.302.960.713
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(122.307.593.980)	(54.930.065.198)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(66.881.201.568)	(61.258.696.760)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		157.525.747.712	85.785.547.562
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.378.882.540	(2.090.477.290)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	18.286.671.886
14	- Tiền lãi vay đã trả		(22.897.854.833)	(13.030.803.470)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.650.000.000)	(5.431.891.372)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(589.400.000)	(671.735.300)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.235.236.123	961.510.771
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.574.416.342)	(60.564.733.614)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		240.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(20.000.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.492.730.682	2.187.214.110
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27.841.685.660)	(78.377.519.504)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		694.993.721.437	371.848.062.498
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(698.623.282.670)	(252.829.774.544)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.629.561.233)	119.018.287.954
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(27.236.010.770)	41.602.279.221

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		59.401.556.239	17.799.277.018
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.309.624	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	32.166.855.093	59.401.556.239

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29/05/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trụ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bể ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp)

- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:
Công ty CP SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam

Địa chỉ
Sóc Trăng

Hoạt động kinh doanh chính
Xây lắp

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.089.170.178	579.364.526
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.077.684.915	45.822.191.713
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
	<u>32.166.855.093</u>	<u>59.401.556.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	20.250.000.000	20.250.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
- Trái phiếu (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	20.250.000.000	20.250.000.000	20.250.000.000	20.250.000.000

(*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng, số lượng 20 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu từ ngày 29/06/2016 đến ngày 29/06/2021. Lãi trái phiếu thanh toán 1 năm/lần vào ngày 29/06 hàng năm. Khoản đầu tư trái phiếu được hình thành từ hợp đồng ủy thác đầu tư số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần SCI	26.448.963.216	32.440.407.308
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	11.463.713.231	9.358.490.926
Công ty TNHH SCI Nghệ An	22.395.438.560	47.897.848.488
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	125.928.923.363	7.269.199.361
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	16.013.291.948	10.437.388.236
Các khoản phải thu khách hàng khác	42.132.948.046	31.475.373.193
	244.383.278.364	138.878.707.512
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	244.383.278.364	138.878.707.512
	244.383.278.364	138.878.707.512
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	48.844.401.776	80.338.255.796
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.		

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty TNHH GUANGZHOU YAOHUANG	2.093.000.000	-	16.433.458.542	-
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	6.664.839.248	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	8.379.148.864	-	-	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	15.201.732.497	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	14.506.921.579	-	8.168.546.189	-
	46.845.642.188	-	24.602.004.731	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.029.311.111	-	1.061.666.667	-
Phải thu người lao động	1.154.106.227	-	791.167.977	-
Tạm ứng	4.416.736.716	-	6.703.212.231	-
Ký cược, ký quỹ	3.500.000	-	85.960.000	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	2.607.389.570	-	3.962.637.943	-
Công ty Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Phải thu khác	1.007.116.347	(383.541.210)	1.353.841.721	(383.541.210)
	11.516.309.971	(383.541.210)	15.256.636.539	(383.541.210)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	147.500.000	-	310.000.000	-
	147.500.000	-	310.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam	6.248.083.094	3.124.041.547	6.248.083.094	4.373.658.166
- Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	1.712.594.711	3.425.189.422	2.397.632.595
- Công ty Cổ phần Licogi 13	-	-	6.843.046.996	4.790.132.897
- Các khoản khác	719.830.762	-	719.830.762	-
	10.393.103.278	4.836.636.258	17.236.150.274	11.561.423.658

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.543.174.153	-	26.963.887.018	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	220.596.666.579	-	148.294.752.146	-
	242.139.840.732	-	175.258.639.164	(21.037.532)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	11.221.128.927	113.756.284.945	53.579.922.510	415.646.007	-	178.972.982.389
- Mua trong năm	-	28.622.247.727	17.464.278.176	171.986.364	-	46.258.512.267
- Thanh lý, nhượng bán	-	(261.912.500)	-	-	-	(261.912.500)
Số dư cuối năm	11.221.128.927	142.116.620.172	71.044.200.686	587.632.371	-	224.969.582.156
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.517.637.016	30.686.201.511	18.526.911.757	305.393.844	-	56.036.144.128
- Khấu hao trong năm	280.528.224	14.032.658.954	7.746.526.042	82.575.541	-	22.142.288.761
- Thanh lý, nhượng bán	-	(26.191.248)	-	-	-	(26.191.248)
Số dư cuối năm	6.798.165.240	44.692.669.217	26.273.437.799	387.969.385	-	78.152.241.641
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	4.703.491.911	83.070.083.434	35.053.010.753	110.252.163	-	122.936.838.261
Tại ngày cuối năm	4.422.963.687	97.423.950.955	44.770.762.887	199.662.986	-	146.817.340.515

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.280.904.360 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	-	11.858.417
Công cụ dụng cụ xuất dùng	792.255.376	628.643.316
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	385.355.042	5.022.614
	1.177.610.418	645.524.347
b) Dài hạn		
Chi phí Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.223.887.093	1.017.972.482
Chi phí sửa chữa văn phòng	139.307.072	676.050.133
Chi phí nhà xưởng đúc cọc Long Phú	176.621.958	5.425.499.618
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	331.262.501
	1.539.816.123	7.450.784.734

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP SCI	13.024.751.085	13.024.751.085	13.735.674.564	13.735.674.564
Công ty CP DVC Việt Nam	12.605.286.378	12.605.286.378	10.519.685.177	10.519.685.177
Công ty TNHH DONARCO	16.058.148.425	16.058.148.425	86.652.500	86.652.500
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	17.810.692.800	17.810.692.800	2.988.300.000	2.988.300.000
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Tân Hoàng Mai	11.095.369.161	11.095.369.161	6.715.683.926	6.715.683.926
VOITH HYDRO PRIVATE LIMITED	11.512.148.442	11.512.148.442	6.817.500	6.817.500
Công ty TNHH PETRO Lào	14.159.040.009	14.159.040.009	-	-
Phải trả các đối tượng khác	75.252.072.208	75.252.072.208	46.285.434.696	46.285.434.696
	171.517.508.508	171.517.508.508	80.338.248.363	80.338.248.363
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	171.517.508.508	171.517.508.508	80.338.248.363	80.338.248.363
	171.517.508.508	171.517.508.508	80.338.248.363	80.338.248.363
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)				
	13.616.924.599	13.616.924.599	13.895.254.688	13.895.254.688

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017****13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54.398.244.034	29.370.854.216
Công ty TNHH SCI Nghệ An	51.491.395.261	49.713.253.462
Công ty CP SCI Lai Châu	12.500.000.000	-
Khách hàng khác	2.174.452.680	4.355.786.958
	<u><u>120.564.091.975</u></u>	<u><u>83.439.894.636</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	15.980.388.599	15.987.509.445	7.120.846	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	6.804.000	6.804.000	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	52.863.721	-	3.877.985.057	2.650.000.000	-	1.175.121.336	-	-	1.175.121.336	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	297.174.127	625.148.107	662.664.295	-	259.657.939	-	-	259.657.939	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	130.110.019	-	41.094.486	-	89.015.533	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	5.099.876	5.099.876	-	5.190.507	-	-	5.190.507	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	-	-	-	39.604.543	-	-	39.604.543	-
	182.973.740	341.969.177	20.536.520.125	19.312.077.616	96.136.379	1.479.574.325	96.136.379	1.479.574.325	1.479.574.325	1.479.574.325

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	248.318.122	372.507.333
Tiền vật tư vượt định mức phải trả	-	470.085.917
Trích trước chi phí các công trình	39.906.502.532	9.774.321.831
Chi phí phải trả khác	-	65.000.000
	<u>40.154.820.654</u>	<u>10.681.915.081</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	432.816.249	170.996.681
Bảo hiểm xã hội	3.461.470	268.331.419
Bảo hiểm thất nghiệp	-	38.332.320
Phải trả lãi vay	130.833.334	-
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1.280.598.517	1.121.024.000
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	4.306.819.108	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	820.043.474	1.074.875.708
	<u>6.974.572.152</u>	<u>2.673.560.128</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	181.812.149.067	181.812.149.067	673.500.982.064	673.015.252.871	182.297.878.260	182.297.878.260
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽²⁾	118.647.529.279	118.647.529.279	580.584.887.657	555.190.988.275	144.041.428.661	144.041.428.661
- Công ty CP SCI	47.164.619.788	47.164.619.788	70.416.094.407	93.324.264.596	24.256.449.599	24.256.449.599
- Công ty CP DVC Việt Nam ⁽³⁾	14.200.000.000	14.200.000.000	-	14.200.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	1.800.000.000	1.800.000.000	14.000.000.000	-	14.000.000.000	14.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	20.993.999.776	20.993.999.776	13.800.597.130	18.786.428.846	16.008.168.060	16.008.168.060
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	3.564.750.000	3.564.750.000	3.360.250.000	3.564.750.000	3.360.250.000	3.360.250.000
- Tổng cộng	17.429.249.776	17.429.249.776	10.440.347.130	15.221.678.846	12.647.918.060	12.647.918.060
	202.806.148.843	202.806.148.843	687.301.579.194	691.801.681.717	198.306.046.320	198.306.046.320
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽³⁾	28.052.944.650	28.052.944.650	20.567.563.200	16.383.521.910	32.236.985.940	32.236.985.940
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁶⁾	11.151.467.687	11.151.467.687	275.000.000	3.588.500.000	7.837.967.687	7.837.967.687
	39.204.412.337	39.204.412.337	20.842.563.200	19.972.021.910	40.074.953.627	40.074.953.627

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/2017/283367/HBTĐ ngày 17/03/2017	700.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	144.041.428.661	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Anh Hợp đồng tín dụng số 17293/HMCV/HBTĐ.DAH ngày 31/07/2017	50.000.000.000	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng là đến 30/06/2018	24.256.449.599	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Công ty Cổ phần DVC Việt Nam Hợp đồng vay vốn số 01/HEVVV/2017 ngày 04/07/2017 Hợp đồng vay vốn số 02/HEVVV/2017 ngày 19/09/2017	10.000.000.000 4.000.000.000	Lãi suất cố định là 5%/năm Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	10.000.000.000 4.000.000.000	Tin chấp Tin chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây					44.884.904.000	
	Hợp đồng tín dụng số 04/2014/283367/HĐTĐ ngày 18/12/2014	6.195.600.000	Lãi suất ban đầu là 11%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 6)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	2.910.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTĐ ngày 11/08/2015	11.470.014.114	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6.380.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2015/283367/HĐTĐ ngày 28/09/2015	3.111.500.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1.398.404.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTĐ ngày 31/08/2016	8.075.200.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5.975.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTĐ ngày 14/10/2016	4.235.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	3.150.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HĐTĐ ngày 03/11/2016	13.571.293.400	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 3.1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	9.380.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTĐ ngày 05/06/2017	8.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5.976.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (tiếp) Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 16/06/2017	642.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	536.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 07/11/2017	31.800.000.000	Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	9.179.300.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng vay số DAH- HĐCTD/14102 ngày 24/10/2014	1.875.000.000	Lãi suất cố định 10,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau được điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua máy móc thiết bị	42 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	11.198.217.687 144.250.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 15189/TH.HĐTD.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tài tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Sormi Romóc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	486.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 16135/TH/HĐTD.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	10.567.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	4.722.740.999	19.885.063.100	124.607.804.099
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	4.029.765.892	4.029.765.892
Phân phối lợi nhuận	-	2.028.000.042	(3.109.600.064)	(1.081.600.022)
Giảm khác	-	-	(274.800.000)	(274.800.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	6.750.741.041	20.530.428.928	127.281.169.969
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	6.750.741.041	20.530.428.928	127.281.169.969
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	15.337.144.104	15.337.144.104
Trích lập các quỹ	-	554.244.884	(849.842.156)	(295.597.272)
Chi trả cổ tức năm trước ⁽¹⁾	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	7.304.985.925	29.717.730.876	137.022.716.801

(1) Khoản lợi nhuận năm 2015 dùng để chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ/SICCO/HĐCĐ ngày 28/04/2016.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ/SICCO/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.029.765.892
Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế		334.800.000
Lợi nhuận phân phối	100,00%	3.694.965.892
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	554.244.884
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	295.597.272
Lợi nhuận chưa phân phối	77,00%	2.845.123.736

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần SCI	60,50%	60.500.000.000	51,00%	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SIFO	0,00%	-	13,00%	13.000.000.000
Cổ đông khác	39,50%	39.500.000.000	36,00%	36.000.000.000
	100,0%	100.000.000.000	100,0%	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.000.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.000.000.000	-
d) Cổ phiếu	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.304.985.925	6.750.741.041
	7.304.985.925	6.750.741.041

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	440,46	162,95

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	25.892.632.660	4.257.547.743
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.224.710.823	3.223.190.636
Doanh thu hợp đồng xây dựng	845.747.296.189	350.177.618.362
	873.864.639.672	357.658.356.741

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	777.868.530.620	308.914.864.573
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.144.986.374	3.488.742.187
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.125.384.165	2.700.815.923
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.037.532)	-
	804.117.863.627	315.104.422.683

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.460.375.126	2.255.800.221
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.213.124.864
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.030.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	123.243.119	38.116.811
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.309.624	-
	2.584.927.869	5.537.041.896

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.904.498.956	13.218.552.094
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	73.166.635	122.356.437
Chi phí tài chính khác	-	39.106.069
	22.977.665.591	13.380.014.600

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.627.148.340	2.530.786.963
Chi phí nhân công	13.483.942.799	11.130.866.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.044.112.599	996.024.624
Thuế, phí, lệ phí	927.094.942	523.686.381
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(118.259.596)	4.954.895.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.412.620.855	4.402.507.812
Chi phí khác bằng tiền	4.579.726.736	5.941.438.949
	29.956.386.675	30.480.207.082

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.278.748	-
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	-	236.500.000
Xử lý công nợ	-	441.739.786
Tiền hoàn thuế được giảm	-	453.793.139
Thưởng tiến độ	-	95.504.000
Thu nhập khác	133.469.155	7.000.000
	137.747.903	1.234.536.925

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	64.431.345	294.232.918
Chi phí khác	255.839.045	249.763.363
	320.270.390	543.996.281

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.215.129.161	4.921.294.916
Các khoản điều chỉnh tăng	174.796.122	652.885.080
- Chi phí không hợp lệ	174.796.122	215.936.469
- Doanh thu theo BB thuế không xuất hóa đơn	-	436.948.611
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.116.534.875)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(1.030.000.000)
- Lợi nhuận đã nộp thuế TNDN	-	(86.534.875)
Thu nhập chịu thuế TNDN	19.389.925.283	4.457.645.121
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.877.985.057	891.529.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(52.863.721)	4.487.498.627
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.650.000.000)	(5.431.891.372)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.175.121.336	(52.863.721)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.337.144.104	4.029.765.892
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.337.144.104	4.029.765.892
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.534</u>	<u>403</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	352.117.677.618	170.937.888.246
Chi phí nhân công	90.788.048.681	67.099.615.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.142.288.761	14.494.018.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	256.243.046.086	111.245.936.453
Chi phí khác bằng tiền	185.085.103.589	19.240.666.789
	<u>906.376.164.735</u>	<u>383.018.124.751</u>

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.166.855.093	-	59.401.556.239	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	256.047.088.335	(5.556.467.020)	154.445.344.051	(5.674.726.616)
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	20.250.000.000	-
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	-	-
	308.463.943.428	(5.556.467.020)	234.096.900.290	(5.674.726.616)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			238.380.999.947	242.010.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác			178.492.080.660	83.011.808.491
Chi phí phải trả			40.154.820.654	10.681.915.081
			457.027.901.261	335.704.284.752

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.166.855.093	-	-	32.166.855.093
Phải thu khách hàng, phải thu khác	250.343.121.315	147.500.000	-	250.490.621.315
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	282.759.976.408	20.147.500.000	-	302.907.476.408
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.401.556.239	-	-	59.401.556.239
Phải thu khách hàng, phải thu khác	148.460.617.435	310.000.000	-	148.770.617.435
Đầu tư ngắn hạn	20.250.000.000	-	-	20.250.000.000
	228.112.173.674	310.000.000	-	228.422.173.674

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	198.306.046.320	40.074.953.627	-	238.380.999.947
Phải trả người bán, phải trả khác	178.492.080.660	-	-	178.492.080.660
Chi phí phải trả	40.154.820.654	-	-	40.154.820.654
	416.952.947.634	40.074.953.627	-	457.027.901.261
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	202.806.148.843	39.204.412.337	-	242.010.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác	83.011.808.491	-	-	83.011.808.491
Chi phí phải trả	10.681.915.081	-	-	10.681.915.081
	296.499.872.415	39.204.412.337	-	335.704.284.752

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Theo khu vực địa lý

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	755.734.172.329	118.130.467.343	873.864.639.672
Tài sản bộ phận	655.377.118.034	91.733.783.621	747.110.901.655
Tổng chi phí mua TSCĐ	46.258.512.267	-	46.258.512.267

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính năm**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		448.768.860.104	166.441.677.155
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	132.324.501.131	89.714.996.842
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	316.444.358.973	76.726.680.313
Mua hàng		11.692.914.427	15.142.301.880
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	9.889.542.789	14.995.371.824
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	1.018.447.885	146.930.056
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập đoàn	784.923.753	-
Chi phí lãi vay		294.650.000	1.071.800.000
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	294.650.000	1.071.800.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		48.844.401.776	80.338.255.796
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	26.448.963.216	32.440.407.308
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	22.395.438.560	47.897.848.488
Phải trả người bán ngắn hạn		13.616.924.599	13.895.254.688
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	13.024.751.085	13.735.674.564
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	20.429.386	159.580.124
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập đoàn	571.744.128	-
Người mua trả tiền trước		63.991.395.261	52.305.040.420
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	-	2.591.786.958
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	51.491.395.261	49.713.253.462
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con cùng Tập đoàn	12.500.000.000	-
Vay ngắn hạn		-	14.200.000.000
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	-	14.200.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.732.527.316	2.208.810.257

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

